

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **27** /2019/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **19** tháng **7** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

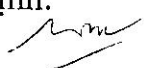
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định (*chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này*).

Điều 2.

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định tại Điều 1 của Quyết định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trang bị tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập mới hoặc theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ phát sinh theo quy định.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và thay thế nội dung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại các Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định và Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K9, TTTHCB. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

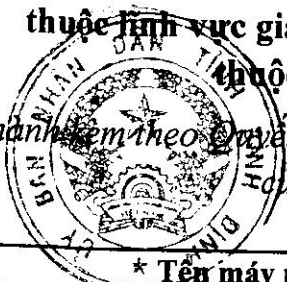


Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)



STT	* Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
A	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo		
1	Hệ thống camera, bao gồm: Camera + nguồn; Đầu ghi hình + ổ cứng + Swich 8 port 10/100, UPS (1000VA/600W)	Bộ	10
2	Máy in A3	Cái	2
3	Máy photocopy siêu tốc chuyên dùng sử dụng sao in đề thi toàn tỉnh	Cái	3
4	Máy phôi trang chuyên dùng sử dụng chia bộ đề thi toàn tỉnh	Cái	1
5	Máy scan dùng để quét phiếu trả lời chấm trắc nghiệm và scan văn bản	Cái	2
B	Các trường THPT, Chuyên biệt Hy Vọng và các trường Phổ thông dân tộc nội trú thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		
I	Thiết bị phục vụ công tác quản lý và toàn trường		
1	Camera HD (quan sát, bảo vệ nhà trường)	Cái	6
2	Đầu ghi Camera (ghi dữ liệu)	Cái	1
3	Hệ thống camera, bao gồm: Camera + nguồn; Đầu ghi hình + ổ cứng + Swich 8 port 10/100, UPS (1000VA/600W)	Bộ	2
4	Màn hình tương tác smart all in one có tích hợp Camera, hỗ trợ công cụ vẽ, office, ứng dụng điều hành (kích thước màn hình tối đa 65 inch)	Cái	2
5	Máy in giấy A3 (in kết quả điểm)	Cái	1
6	Máy photocopy siêu tốc chuyên dùng sử dụng sao in đề thi sử dụng tại các đơn vị trực thuộc	Cái	1
7	Máy scan dùng để quét phiếu trả lời chấm trắc nghiệm và scan văn bản	Cái	1
II	Thiết bị tối thiểu cho từng lớp học		
1	Camera HD theo dõi từng lớp học	Cái	1
2	Ti vi HD 65 inch (khi không trang bị màn chiếu, máy chiếu)	Cái	1
III	Danh mục thiết bị đồ gỗ trường học		
1	Bàn ghế gỗ tự nhiên		
1.1	Bàn ghế học sinh Tiểu học (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
1.2	Bàn ghế học sinh THCS (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
1.3	Bàn ghế học sinh THPT (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
1.4	Bàn ghế giáo viên (1 bàn - 1 ghế) - (định mức 1 lớp/bàn-ghế)	Bộ	1
2	Bàn ghế sắt gỗ tự nhiên ghép		
2.1	Bàn ghế học sinh Tiểu học (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
2.2	Bàn ghế học sinh THCS (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
2.3	Bàn ghế học sinh THPT (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1

Signature

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2.4	Bàn ghế giáo viên (1 bàn - 1 ghế) - (định mức 1 lớp/bàn-ghế)	Bộ	1
IV	Thiết bị phòng học bộ môn cho các cấp học		
1	Phòng học tin học (2 phòng/trường)		
1.1	Các thiết bị kết nối khác	Bộ	1
1.2	Máy chiếu đa năng (Projector) + màn chiếu	Bộ	1
1.3	Máy chủ (máy giáo viên gồm cả thiết bị lưu điện)	Bộ	1
1.4	Máy điều hòa	Cái	4
1.5	Máy tính học sinh	Bộ	40
1.6	Ôn áp phòng máy vi tính	Cái	2
2	Phòng thư viện (1 phòng/trường)		
2.1	Bàn đọc sách thư viện cho giáo viên (8 chỗ ngồi/1 bàn)	Cái	3
2.2	Bàn đọc sách thư viện cho học sinh (6 chỗ ngồi (3 vách ngăn)/ 1 bàn)	Cái	5
2.3	Các thiết bị khác (Bảng hoạt động, pano....kết nối Internet)	Bộ	1
2.4	Ghế dựa gỗ	Cái	50
2.5	Giá để báo chí	Cái	2
2.6	Giá để sách thư viện (5 tầng, 3 ngăn)	Cái	5
2.7	Máy vi tính (bao gồm bàn vi tính và thiết bị lưu điện)	Bộ	4
2.8	Tủ đựng hồ sơ	Cái	2
2.9	Tủ đựng mục lục	Cái	2
3	Phòng học ngoại ngữ (2 phòng/trường)		
3.1	Phòng Lab (1 giáo viên, 40 học sinh)		
3.1.1	Cáp nối đồng bộ	Bộ	40
3.1.2	Máy hiển thị thông tin học sinh	Cái	40
3.1.3	Máy xử lý dữ liệu tự động của giáo viên	Cái	1
3.1.4	Nguồn cung cấp điện của hệ thống	Cái	1
3.1.5	Tai nghe đồng bộ cho giáo viên học sinh	Cái	41
*	Hệ thống các thiết bị ngoại vi		
3.1.6	Bộ chia tín hiệu	Bộ	1
3.1.7	Camera vật thể	Cái	1
3.1.8	Dây cáp tín hiệu	Bộ	1
3.1.9	Đài Cassette	Cái	1
3.1.10	Giá treo máy chiếu	Cái	1
3.1.11	Màn chiếu mô tơ điện điều khiển từ xa	Cái	1
3.1.12	Máy chiếu đa năng	Cái	1
3.1.13	Máy vi tính	Cái	1
3.1.14	Thiết bị âm thanh đa năng di động không dây	Cái	1
*	Cơ sở vật chất		
3.1.15	Bàn Lab giáo viên	Cái	1
3.1.16	Bàn Lab học sinh	Cái	20
3.1.17	Ghế giáo viên	Cái	1
3.1.18	Ghế học sinh	Cái	40
3.1.19	Máy điều hòa	Cái	2
3.2	Phòng đa năng (1 giáo viên, 40 học sinh)		
3.2.1	Bộ kết nối của giáo viên	Bộ	1
3.2.2	Bộ kết nối của học sinh	Bộ	20
3.2.3	Ô chia	Bộ	2
3.2.4	Tai nghe đồng bộ cho giáo viên học sinh	Cái	41
*	Hệ thống các thiết bị ngoại vi		
3.2.5	Bộ chia tín hiệu	Bộ	1
3.2.6	Camera vật thể	Cái	1
3.2.7	Dây cáp tín hiệu	Bộ	1

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3.2.8	Dài Cassette	Cái	1
3.2.9	Giá treo máy chiếu	Cái	1
3.2.10	Màn chiếu mô tơ điện điều khiển từ xa	Cái	1
3.2.11	Máy chiếu đa năng	Cái	1
3.2.12	Máy vi tính giáo viên	Cái	1
3.2.13	Máy vi tính học sinh	Cái	40
3.2.14	Ôn áp	Cái	1
3.2.15	Switch TP Link 48 cổng kết nối mạng LAN	Cái	1
3.2.16	Thiết bị âm thanh đa năng di động không dây	Cái	1
*	Cơ sở vật chất		
3.2.17	Bàn Lab giáo viên	Cái	1
3.2.18	Bàn Lab học sinh	Cái	20
3.2.19	Ghế giáo viên	Cái	1
3.2.20	Ghế học sinh	Cái	40
3.2.21	Máy điều hòa	Cái	2
3.3	Phòng tương tác đa năng khác		
3.3.1	Bảng tương tác	Cái	1
3.3.2	Bộ thiết bị đánh giá kiểm tra trắc nghiệm không dây	Cái	1
3.3.3	Chân di động treo bảng và máy chiếu gắn	Cái	1
3.3.4	Máy chiếu gắn đa năng	Cái	1
3.3.5	Máy chiếu thu vật thể	Cái	1
3.3.6	Máy điều hòa	Cái	2
3.3.7	Máy tính xách tay	Cái	1
3.3.8	Phần mềm học ngoại ngữ	Phần mềm	1
3.3.9	Phần mềm quản lý giáo dục trực tuyến	Phần mềm	1
3.3.10	Thiết bị âm thanh đa năng di động không dây	Cái	1
4	Môn Vật lý (tối đa 1 phòng/trường)		
4.1	Thiết bị bàn, ghế, tủ		
4.1.1	Bàn thí nghiệm giáo viên	Cái	1
4.1.2	Bàn thí nghiệm học sinh	Cái	12
4.1.3	Ghế giáo viên	Cái	1
4.1.4	Ghế học sinh	Cái	48
4.1.5	Máy điều hòa	Cái	2
4.1.6	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Cái	1
4.2	Thiết bị thí nghiệm		
4.2.1	Cấp THCS		
4.2.1.1	Thiết bị dùng chung		
-	Bộ cảm biến dùng cho môn Vật Lý	Bộ	10
-	Bộ dây dẫn	Bộ	10
-	Bộ lực kế lò xo	Bộ	10
-	Cân điện tử, 2200/1 g	Cái	10
-	Đồng hồ đa năng kỹ thuật số	Cái	10
-	Nguồn điện AC/DC, 2...12V/3A	Cái	10
4.2.1.2	Thiết bị biểu diễn		
-	Bộ cơ học biểu diễn trên bảng từ	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm tĩnh điện biểu diễn	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm quang hình biểu diễn sử dụng nguồn Laser	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm "Mạch điện cơ bản" trên bảng từ	Bộ	10
-	La bàn biểu diễn	Cái	10
-	Nhiệt học		
	Bộ thí nghiệm lực xuất hiện trong sự nở dài vì nhiệt của chất rắn	Bộ	10
	Ống đối lưu	Cái	10

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Thiết bị biểu diễn sự dẫn nhiệt khác nhau của các kim loại	Cái	10
	Thiết bị biểu diễn sự nở dài	Cái	10
	Thiết bị biểu diễn sự nở khối	Cái	10
-	Thiết bị biểu diễn tác dụng của từ trường lên dây dẫn có dòng điện	Cái	10
-	Thí nghiệm về trộn các ánh sáng màu	Bộ	10
4.2.1.3	Thiết bị thực hành		
-	Bộ thí nghiệm Vật lý lớp 9	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm Vật lý: Cơ học, Nhiệt học và Điện học Trung học cơ sở	Bộ	10
-	Va ly thí nghiệm "Âm học"	Bộ	10
-	Va ly thí nghiệm "Điện học"	Bộ	10
-	Va ly thí nghiệm "Nhiệt học"	Bộ	10
-	Va ly thí nghiệm "Tĩnh điện và từ học"	Bộ	10
4.2.2	Cấp THPT		
4.2.2.1	Thiết bị dùng chung		
-	Bộ dụng cụ sửa chữa thiết bị phòng thí nghiệm	Bộ	15
-	Dao động ký, kỹ thuật số, 2 kênh, 30 MHz	Cái	15
-	Dây nối	Cái	15
-	Đồng hồ đo điện đa năng	Cái	15
-	Nguồn điện 1 chiều vô cấp	Cái	15
-	Nguồn điện, 2...12V AC/DC, 5A	Cái	15
4.2.2.2	Thiết bị biểu diễn		
-	Bộ thí nghiệm cơ học biểu diễn trên bảng từ 1	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm biểu diễn mô hình chức năng mắt người	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm kênh sóng nước	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm khí động học	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm quang hình học biểu diễn trên bảng từ - sử dụng nguồn Laser	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm sóng nước biểu diễn	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm tĩnh điện biểu diễn	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm thực hành khảo sát chuyển động rơi tự do, xác định gia tốc rơi tự do	Bộ	15
-	Bộ thiết bị khảo sát các định luật chất khí	Bộ	15
-	Thí nghiệm về sự giãn nở vì nhiệt của chất rắn	Bài	15
-	Thiết bị biểu diễn định luật Lenz	Bộ	15
-	Thiết bị khảo sát định luật Boyle-Mariotte	Cái	15
-	Thiết bị khảo sát hiện tượng mao dẫn	Cái	15
4.2.2.3	Thiết bị thực hành		
-	Thí nghiệm xác định hệ số căng bề mặt của chất lỏng	Bộ	15
-	Áp kế kim loại	Cái	15
-	Thí nghiệm xác định vận tốc âm thanh trong không khí.	Bộ	15
-	Bộ cảm biến và thiết bị xử lý dữ liệu dùng cho Vật Lý	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm khảo sát sóng dừng	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm quang hình học trên giá quang học	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm thực hành quang hình học	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm dòng điện xoay chiều	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm đo vận tốc và gia tốc	Bộ	15
-	Bộ thiết bị khảo sát lực hướng tâm	Bộ	15
-	Dòng điện trong chất điện phân	Bộ	15
-	Đo suất điện động và điện trở trong của nguồn điện	Bộ	15
-	Khảo sát đặc tính chỉnh lưu của điốt bán dẫn và đặc tính khuếch đại của tranzito	Bộ	15

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
-	Thí nghiệm thực hành đo hệ số ma sát	Bộ	15
4.2.2.4	Các bài nâng cao và chuyên sâu		
*	Thiết bị dùng chung		
-	Bộ dụng cụ sửa chữa thiết bị phòng thí nghiệm	Bộ	15
-	Nguồn điện một chiều vô cấp	Cái	15
*	Thiết bị biểu diễn		
-	Bộ thí nghiệm kênh sóng nước	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm khảo sát sự rơi tự do, xác định gia tốc trọng trường	Bộ	15
-	Bộ thiết bị khảo sát các định luật chất khí	Bộ	15
*	Thiết bị thực hành		
-	Bộ thí nghiệm thực hành quang hình học	Bộ	15
-	Dòng điện trong chất điện phân	Bộ	15
-	Thí nghiệm thực hành đo hệ số ma sát	Bộ	15
*	Thiết bị chuyên sâu		
-	Bộ thí nghiệm điện đa năng		15
-	Bộ thiết bị Ipho 2017	Bộ	15
-	Cân chính xác	Bộ	15
-	Đo ma sát nhớt	Bộ	15
-	Hiệu ứng Hall và điện ứng từ - điện trở Aphi 2004 Việt Nam	Bộ	15
-	Ipho Việt Nam 2008 E2 xác định hiệu suất của một pin mặt trời được chiếu sáng bằng đèn sợi đốt		15
-	Khảo sát đặc tính dẫn điện của thanh Nam châm thẳng	Bộ	15
-	Khảo sát đèn LED (Eupho 2017)	Bộ	15
-	Sự hãm từ trường trên mặt phẳng nghiêng Aphi 2005	Bộ	15
-	Tổng hợp các bài hộp đen điện	Bộ	15
-	Xác định tỉ số e/k_B bằng phép điện phân (Ipho 2002)	Bộ	15
4.3	Thiết bị khác		
4.3.1	Thiết bị cơ bản		
-	Bàn thí nghiệm cho học sinh (<i>bàn trung tâm để giữa phòng</i>)	Cái	16
-	Bảng từ viết phấn	Cái	15
-	Ghế thí nghiệm	Cái	40
-	Modul bồn rửa	Cái	15
4.3.2	Phòng chuẩn bị thí nghiệm		
-	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Cái	15
-	Ghế thí nghiệm	Cái	15
-	Modul bồn rửa	Cái	15
4.3.3	Các thiết bị phụ trợ		
-	Giá để thiết bị	Cái	15
-	Tủ y tế	Cái	15
-	Xe đẩy phòng thí nghiệm	Cái	15
5	Môn Hóa học		
5.1	Thiết bị bàn, ghế, tủ		
5.1.1	Bàn thí nghiệm giáo viên	Cái	1
5.1.2	Bàn thí nghiệm học sinh	Cái	12
5.1.3	Ghế giáo viên	Cái	1
5.1.4	Ghế học sinh	Cái	48
5.1.5	Máy điều hòa	Cái	2
5.1.6	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Cái	1
5.2	Thiết bị thí nghiệm		
5.2.1	Cấp THCS		
	Thiết bị dùng chung		
-	Bài thí nghiệm điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn	Bộ	10

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
-	Bếp điện và nồi đun	Bộ	10
-	Bộ chậu thí nghiệm	Bộ	10
-	Bộ dụng cụ đo thể tích các loại	Bộ	10
-	Bộ điều chế khí đa năng	Bộ	10
-	Bộ giá thí nghiệm		
	<i>Chân đế hình chữ nhật</i>	<i>Cái</i>	<i>10</i>
	<i>Thanh trụ có ren 500 mm</i>	<i>Cái</i>	<i>10</i>
	<i>Kẹp chữ S</i>	<i>Cái</i>	<i>10</i>
	<i>Kẹp vạn năng</i>	<i>Cái</i>	<i>10</i>
-	Bộ lọ đựng hóa chất	Bộ	10
-	Bộ ống nghiệm các loại	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm chưng cất	Bộ	10
-	Bộ thiết bị điều chế khí từ chất lỏng và chất rắn	Bộ	10
-	Cân điện tử 200g, 0.01g	Cái	10
-	Điện phân nước thực hành	Bộ	10
-	Máy đo pH và phụ kiện	Cái	10
-	Mô hình phân tử		
	<i>Bộ mô hình cấu trúc phân tử chất béo</i>	<i>Bộ</i>	<i>10</i>
	<i>Bộ mô hình lắp ráp phân tử hữu cơ</i>	<i>Bộ</i>	<i>10</i>
-	Nguồn điện, 2...12V AC/DC, 5A	Cái	10
-	Pipet nhỏ giọt	Cái	10
-	SEG hóa học 2, Không khí/ Sự cháy/ Sự oxi hóa/ Sự khử	Bộ	10
-	Tủ sấy	Cái	10
-	Valy dụng cụ thí nghiệm Hóa học	Bộ	10
5.2.2	Cấp THPT		
5.2.2.1	Thiết bị thí nghiệm		
-	Thí nghiệm chuẩn độ	Bộ	15
-	Thí nghiệm điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn	Bộ	15
-	Thí nghiệm điện phân nước biểu diễn	Bộ	15
-	Bếp điện và nồi đun	Bộ	15
-	Bình định mức	Cái	15
-	Bình hút ẩm và phụ kiện	Bộ	15
-	Bình rửa khí 250 ml	Bộ	15
-	Bình tia 500 ml	Cái	15
-	Bộ chậu thí nghiệm	Bộ	15
-	Bộ chổi rửa dụng cụ thủy tinh	Bộ	15
-	Bộ dây dẫn	Bộ	15
-	Bộ dụng cụ đo lường phòng thí nghiệm	Bộ	15
-	Bộ dụng cụ đo thể tích các loại	Bộ	15
-	Bộ dụng cụ gỗ	Bộ	15
-	Bộ dụng cụ kim loại	Bộ	15
-	Bộ dụng cụ tinh chế	Bộ	15
-	Bộ điều chế khí đa năng	Bộ	15
-	Bộ giá thí nghiệm	Bộ	15
-	Bộ giá, kẹp ống nghiệm	Bộ	15
-	Bộ lọ đựng hóa chất	Bộ	15
-	Bộ nút cao su	Bộ	15
-	Bộ ống dẫn thủy tinh	Bộ	15
-	Bộ ống nối các loại	Bộ	15
-	Bộ ống nghiệm các loại	Bộ	15
-	Bộ pipet nhỏ giọt	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm ăn mòn kim loại	Bộ	15

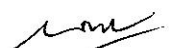
STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
-	Bộ thí nghiệm biểu diễn điện hoá	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm chưng cất	Bộ	15
-	Bộ thiết bị điều chế khí từ chất lỏng và chất rắn	Bộ	15
-	Bộ thiết bị nhiệt	Bộ	15
-	Chén nung	Cái	15
-	Đèn cồn hợp kim	Cái	15
-	Găng tay cao su Latex (hộp 100 chiếc)	Hộp	15
-	Kính bảo vệ mắt các loại	Bộ	15
-	Máy đo pH và phụ kiện	Bộ	15
-	Mô hình phân tử		
	Bộ mô hình cấu trúc phân tử chất béo	Bộ	15
	Bộ mô hình lắp ráp phân tử hữu cơ	Bộ	15
-	Nguồn điện	Cái	15
-	Valy dụng cụ thí nghiệm Hóa học	Bộ	15
5.2.2.2	Các bài nâng cao và chuyên sâu		
*	Thiết bị dùng chung		
-	Bộ chậu thí nghiệm	Bộ	15
-	Bộ dây dẫn	Bộ	15
-	Bộ giá, kẹp ống nghiệm	Bộ	15
-	Bếp điện và nồi đun	Bộ	15
-	Bếp đun cho bình cầu	Bộ	15
-	Bình định mức	Bộ	15
-	Bộ pipet và giá để pipet	Bộ	15
-	Cân phân tích 220/0,0001g	Cái	15
-	Chổi rửa ống nghiệm	Cái	15
-	Đèn cồn hợp kim	Cái	15
-	Kính bảo vệ mắt chống tia UV	Cái	40
-	Nguồn điện 12V/ 5A (dùng chung cho các bài điện phân, điện hóa)	Cái	15
-	Tủ sấy	Cái	15
*	Thiết bị thực hành		
-	Bài thí nghiệm tách chất bằng phương pháp TLC	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm ăn mòn kim loại	Bộ	15
-	Bộ thiết bị thí nghiệm chế tạo pin Galvani	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm chưng cất este	Bộ	15
-	Định lượng chất màu bằng phương pháp đường chuẩn sử dụng máy phổ UV- Vis	Bộ	15
-	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	15
5.3	Thiết bị khác		
5.3.1	Thiết bị cơ bản		
-	Bàn thí nghiệm cho học sinh (bàn trung tâm để giữa phòng)	Cái	16
-	Bảng từ viết phấn	Cái	15
-	Ghế thí nghiệm	Cái	40
-	Modul bồn rửa	Cái	15
5.3.2	Phòng chuẩn bị thí nghiệm		
-	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Cái	15
-	Ghế thí nghiệm	Cái	15
-	Modul bồn rửa	Cái	15
5.3.3	Các thiết bị phụ trợ		
-	Giá để thiết bị	Cái	15
-	Tủ hút khí độc	Cái	15
-	Tủ y tế	Cái	15

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
-	Xe đẩy phòng thí nghiệm	Cái	15
6	Môn Sinh học		
6.1	Thiết bị bàn, ghế, tủ		
6.1.1	Bàn thí nghiệm giáo viên	Cái	1
6.1.2	Bàn thí nghiệm học sinh	Cái	12
6.1.3	Ghế giáo viên	Cái	1
6.1.4	Ghế học sinh	Cái	48
6.1.5	Máy điều hòa	Cái	2
6.1.6	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Cái	1
6.2	Thiết bị thí nghiệm		
6.2.1	Cấp THCS		
	Thiết bị dùng chung		
-	Bộ thí nghiệm về sự thoát hơi nước ở thực vật	Bộ	10
-	Bộ phễu thu động vật đất	Bộ	10
-	Bộ đồ mổ		
	<i>Bộ đồ mổ 8 chi tiết</i>	Bộ	10
	<i>Khay mổ và đinh ghim</i>	Cái	10
-	Bộ pipet	Bộ	10
-	Bếp điện và nồi đun	Bộ	10
-	Bình cách nhiệt 1000 ml	Cái	10
-	Cân đo cơ thể	Cái	10
-	Cân điện tử 200g, 0.01g	Cái	10
-	Dụng cụ đo huyết áp		
	<i>Dụng cụ đo huyết áp cơ học</i>	Bộ	10
	<i>Dụng cụ đo huyết áp điện tử</i>	Bộ	10
-	Kính hiển vi		
	<i>Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD</i>	Cái	10
	<i>Kính hiển vi 2 mắt quang học, độ phóng đại 1000 lần</i>	Cái	10
	<i>Kính hiển vi kỹ thuật số với độ phóng đại 1000 lần kèm theo phần mềm xử lý ảnh, có khả năng ghép nối máy tính</i>	Cái	10
	<i>Kính hiển vi soi nổi</i>	Cái	10
-	Mô hình		
	<i>Mô hình Bộ xương người</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo của Da</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo của Động mạch và Tĩnh mạch</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo Hệ sinh dục nam</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo Hệ sinh dục nữ</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo Mắt</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo mô ở Lá</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo Não người</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo Tai người</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình cấu tạo Tim</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình Hệ cơ quan ở người</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình Hộp sọ người</i>	Bộ	10
	<i>Mô hình sự phát triển của Bào thai ở người</i>	Bộ	10
-	Mô hình chức năng phổi người	Bộ	10
-	Máy đo pH cầm tay	Bộ	10
-	Nhiệt kế đo thân nhiệt	Cái	10
-	Tủ sấy	Cái	10
-	Valy thí nghiệm sinh học	Bộ	10
6.2.2	Cấp THPT		
6.2.2.1	Thiết bị dùng chung		

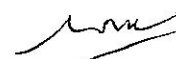
STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
-	Bộ thí nghiệm hô hấp ở thực vật	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm sắc ký bản mỏng về sắc tố lá và axit amin	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm trồng cây trong dung dịch		
	<i>Valy này mầm của hạt</i>	Bộ	15
	<i>Dung dịch dinh dưỡng</i>	Bộ	15
-	Bộ thí nghiệm điện di Axit Nucleic	Bộ	15
-	Bộ kit xác định nhóm máu	Bộ	15
-	Bộ đồ làm tiêu bản thực vật	Bộ	15
-	Bộ pipet	Bộ	15
-	Bộ đồ mổ		
	<i>Bộ đồ mổ 8 chi tiết</i>	Bộ	15
	<i>Khay mổ</i>	Cái	15
-	Bộ giá thí nghiệm	Bộ	15
-	Bộ giá và khay đựng thiết bị PTN		
	<i>Khay đựng và nắp đậy 75 mm</i>	Cái	15
	<i>Khay đựng và nắp đậy 150 mm</i>	Cái	15
	<i>Bộ chia ngăn cho khay đựng</i>	Bộ	15
-	Bếp điện và nồi đun	Bộ	15
-	Bình cách nhiệt 1000 ml	Cái	15
-	Bình tia 500 ml	Cái	15
-	Cân đo cơ thể	Cái	15
-	Cân điện tử 200g, 0.01g	Cái	15
-	Chổi rửa ống nghiệm	Cái	15
-	Cốc thủy tinh		
	<i>Cốc thủy tinh 100 ml</i>	Cái	15
	<i>Cốc thủy tinh 250 ml</i>	Cái	15
-	Dụng cụ đo huyết áp		
	<i>Dụng cụ đo huyết áp cơ học</i>	Bộ	15
	<i>Dụng cụ đo huyết áp điện tử</i>	Bộ	15
-	Đèn cồn 60 ml	Chiếc	15
-	Đĩa đồng hồ 80 mm	Chiếc	15
-	Đũa thủy tinh 6 x 200 mm	Chiếc	15
-	Găng tay cao su Latex (hộp 100 chiếc)	Hộp	15
-	Giấy lọc 110 mm	Hộp	15
-	Giấy parafilm 38m x 10 cm	Hộp	15
-	Kính hiển vi		
	<i>Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD</i>	Cái	15
	<i>Kính hiển vi kỹ thuật số với độ phóng đại 1000 lần kèm theo phần mềm xử lý ảnh, có khả năng ghép nối máy tính</i>	Cái	15
	<i>Kính hiển vi 2 mắt quang học, độ phóng đại 1000 lần</i>	Cái	15
-	Kẹp ống nghiệm gỗ	Cái	15
-	Khẩu trang than hoạt tính	Hộp	15
-	Lọ thủy tinh gắn công-tơ hút 100 ml	Cái	15
-	Mô hình		
	<i>Mô hình Hệ cơ quan ở người</i>	Bộ	15
	<i>Mô hình cấu tạo Tim</i>	Bộ	15
	<i>Mô hình cấu tạo của Động mạch và Tĩnh mạch</i>	Bộ	15
	<i>Mô hình cấu tạo Hệ sinh dục nữ</i>	Bộ	15
	<i>Mô hình cấu tạo Hệ sinh dục nam</i>	Bộ	15
	<i>Mô hình sự phát triển của Bào thai ở người</i>	Bộ	15
-	Máy đo pH cầm tay	Bộ	15
-	Máy cất nước 1 lần, 4h/lít	Cái	15

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
-	Máy xay trộn 600W	Cái	15
-	Núm cao su (gói 10 chiếc)	Gói	15
-	Nhiệt kế đo thân nhiệt	Cái	15
-	Ống silicon Φ 7 mm, 1m	Cái	15
-	Ống hút nhỏ giọt	Cái	15
-	Ống nghiệm thủy tinh 18 x 180 mm (hộp 100 chiếc)	Hộp	15
-	Ống thủy tinh thẳng vuốt nhọn, 100 mm	Cái	15
-	Pipet nhựa dùng 1 lần	Cái	15
-	Tủ sấy	Cái	15
-	Tủ lạnh 180 lít	Cái	15
6.2.2.2	Các thiết bị nâng cao		
*	Thiết bị dùng chung		
-	Kính hiển vi		
	Kính hiển vi 2 mắt kỹ thuật số, độ phóng đại 1000 lần	Cái	15
	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD	Cái	15
-	Máy xay trộn 600W	Cái	15
*	Thiết bị tiêu hao phòng thí nghiệm		
-	Bình tia 500 ml	Cái	15
-	Chổi rửa ống nghiệm	Cái	15
-	Cốc thủy tinh		
	Cốc thủy tinh 100 ml	Cái	15
	Cốc thủy tinh 250 ml	Cái	15
-	Đèn cồn 60 ml	Cái	15
-	Đĩa đồng hồ 80 mm	Cái	80
-	Đũa thủy tinh 6 x 200 mm	Cái	15
-	Găng tay cao su Latex (hộp 100 chiếc)	Hộp	15
-	Giấy lọc 110 mm	Hộp	15
-	Giấy parafilm 38m x 10 cm	Hộp	15
-	Kẹp ống nghiệm gỗ	Cái	20
-	Khẩu trang than hoạt tính	Hộp	15
-	Lọ thủy tinh gắn công-tơ hút, 100 ml	Cái	15
-	Núm cao su (gói 10 chiếc)	Gói	15
-	Ống silicon Φ 7 mm, 1m	Cái	15
-	Ống hút nhỏ giọt	Cái	50
-	Ống nghiệm thủy tinh 18 x 180 mm (hộp 100 chiếc)	Hộp	15
-	Ống thủy tinh thẳng vuốt nhọn 100 mm	Cái	15
-	Pipet nhựa dùng 1 lần	Cái	50
*	Các bài thực hành		
-	Bộ thí nghiệm điện di Axít Nucleic	Bộ	15
-	Bộ kit xác định nhóm máu	Bộ	15
6.3	Thiết bị khác		
6.3.1	Thiết bị cơ bản		
-	Bàn thí nghiệm cho học sinh (bàn trung tâm để giữa phòng)	Cái	16
-	Bảng từ viết phấn	Cái	15
-	Modul bồn rửa	Cái	15
-	Ghế thí nghiệm	Cái	40
6.3.2	Phòng chuẩn bị thí nghiệm		
-	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Cái	15
-	Ghế thí nghiệm	Cái	15
-	Modul bồn rửa	Cái	15
6.3.3	Các thiết bị phụ trợ		
-	Giá để thiết bị	Cái	15

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
-	Tủ y tế	Cái	15
-	Xe đẩy phòng thí nghiệm	Cái	15
V	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông)		
1	Mô hình vũ khí		
1.1	Mô hình súng AK-47, CKC, B40, B41 cắt bỏ	Bộ	1
1.2	Mô hình súng tiểu liên AK-47 luyện tập	Khẩu	25
1.3	Mô hình lựu đạn cắt bỏ	Quả	5
1.4	Mô hình lựu đạn luyện tập	Quả	50
1.5	Mô hình thuốc nổ bánh	Bánh	2
1.6	Mô hình vũ khí tự tạo	Hộp	2
1.7	Mô hình mìn bộ binh cắt bỏ và tập	Bộ	1
1.8	Bình xịt hơi cay	Bộ	10
1.9	Mô hình súng bắn đạn cao su	Khẩu	10
2	Máy bắn tập		
2.1	Máy bắn MBT-03	Bộ	1
2.2	Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07	Bộ	1
2.3	Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12	Bộ	1
2.4	Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15)	Bộ	1
3	Thiết bị khác		
3.1	Bao đạn, túi đựng lựu đạn	Cái	20
3.2	Bộ bia (khung + mặt bia số 4)	Bộ	20
3.3	Cáng cứu thương	Cái	5
3.4	Đồng tiền di động	Cái	2
3.5	Dụng cụ băng bó cứu thương	Bộ	15
3.6	Giá đặt bia đa năng	Cái	20
3.7	Giá súng và bàn thao tác	Bộ	1
3.8	Hộp dụng cụ huấn luyện	Bộ	4
3.9	Kính kiểm tra ngắm	Cái	4
3.10	Mặt nạ phòng độc	Cái	20
3.11	Mô hình đường đạn trong không khí	Cái	2
3.12	Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả	Cái	1
3.13	Tủ đựng súng và đựng thiết bị	Bộ	1
4	Trang phục - Số lượng cần cho 1 người		
4.1	Biên tên	Cái	1
4.2	Ca vát	Cái	1
4.3	Giày da	Đôi	1
4.4	Mũ cứng	Cái	1
4.5	Mũ Kêpi	Cái	1
4.6	Mũ mềm	Cái	1
4.7	Nền cấp hiệu GDQPAN	Đôi	1
4.8	Nền phù hiệu GDQPAN	Đôi	1
4.9	Sao mũ cứng GDQPAN	Cái	1
4.10	Sao mũ Kêpi GDQPAN	Cái	1
4.11	Sao mũ mềm GDQPAN	Cái	1
4.12	Tất sợi	Đôi	2
4.13	Thắt lưng	Cái	1
4.14	Trang phục dã chiến	Bộ	1
4.15	Trang phục giáo viên GDQPAN	Bộ	1
4.16	Trang phục mùa đông	Bộ	1
4.17	Trang phục mùa hè	Bộ	1



STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
5	Trang phục học sinh GDQPAN (nhà trường mua dùng chung và cho học sinh mượn khi học GDQP) - Số lượng cần cho 1 người		
5.1	Giày vải	Đôi	100
5.2	Mũ cứng	Cái	100
5.3	Mũ mềm	Cái	100
5.4	Sao mũ cứng GDQPAN	Cái	100
5.5	Sao mũ mềm GDQPAN	Cái	100
5.6	Tất sợi	Đôi	100
5.7	Thắt lưng	Cái	100
5.8	Trang phục (dùng chung hai mùa)	Bộ	100
C	Các cấp học thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố		
I	Thiết bị phục vụ công tác quản lý và toàn trường		
1	Camera HD (quan sát, bảo vệ nhà trường)	Cái	6
2	Camera HD (quan sát lớp học) - (định mức/lớp)	Cái	1
3	Đầu DVD	Cái	2
4	Đầu ghi Camera (ghi dữ liệu)	Cái	1
5	Màn hình tương tác smart all in one có tích hợp Camera, hỗ trợ công cụ vẽ, office, ứng dụng điều hành (kích thước màn hình tối đa 65 inch)	Cái	2
6	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1
7	Máy hút khử mùi	Cái	1
8	Máy in giấy A3 (in kết quả điểm)	Cái	1
9	Máy photocopy siêu tốc chuyên dùng sử dụng sao in đề thi - (định mức/trường)	Cái	1
10	Máy quay phim	Cái	1
11	Máy scan dùng để quét phiếu trả lời chấm trắc nghiệm và scan văn bản	Cái	1
12	Tủ đựng hồ sơ kiểm định chất lượng giáo dục	Cái	3
II	Thiết bị dạy học tối thiểu cho từng lớp học		
1	Tivi 65 inch (khi không trang bị màn chiếu, máy chiếu)	Cái	1
III	Danh mục thiết bị đồ gỗ trường học		
1	Bàn ghế gỗ tự nhiên		
1.1	Bàn ghế học sinh Tiểu học (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
1.2	Bàn ghế học sinh THCS (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
1.3	Bàn ghế giáo viên (1 bàn - 1 ghế) - (định mức 1 lớp/bàn-ghế)	Bộ	1
2	Bàn ghế sắt gỗ tự nhiên ghép		
2.1	Bàn ghế học sinh Tiểu học (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
2.2	Bàn ghế học sinh THCS (1 bàn, 2 ghế ngồi rời) - (định mức 2 học sinh/bàn, 1 học sinh/ghế)	Bộ	1
2.3	Bàn ghế giáo viên (1 bàn - 1 ghế) - (định mức 1 lớp/bàn-ghế)	Bộ	1
3	Tủ gỗ đựng đồ dùng lớp học (định mức 1 cái/phòng)	Cái	1
IV	Thiết bị phòng học bộ môn		
1	Thiết bị phòng học tin học (định mức tối đa 2 phòng/trường)		
1.1	Bàn để máy vi tính giáo viên	Cái	1
1.2	Bàn để máy vi tính học sinh	Cái	20
1.3	Các thiết bị kết nối khác	Bộ	1
1.4	Ghế giáo viên	Cái	1
1.5	Ghế học sinh	Cái	40

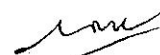


STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1.6	Máy chủ (máy giáo viên gồm cả thiết bị lưu điện)	Bộ	1
1.7	Máy tính học sinh (bao gồm bàn/ghế + thiết bị lưu điện)	Bộ	40
1.8	Máy chiếu + màn chiếu	Bộ	1
1.9	Máy điều hòa	Cái	4
1.10	Ôn áp phòng máy vi tính	Cái	2
2	Thiết bị phòng thư viện (định mức tối đa 1 phòng/trường)		
2.1	Bàn đọc sách thư viện cho giáo viên (8 chỗ ngồi/1 bàn)	Cái	3
2.2	Bàn đọc sách thư viện cho học sinh (6 chỗ ngồi (3 vách ngăn)/ 1 bàn)	Cái	5
2.3	Các thiết bị khác (Bảng hoạt động, pano....kết nối Internet)	Bộ	1
2.4	Giá để báo chí	Cái	2
2.5	Giá để sách thư viện (5 tầng, 3 ngăn)	Cái	5
2.6	Ghế dựa gỗ	Cái	50
2.7	Máy vi tính (bao gồm bàn vi tính và thiết bị lưu)	Bộ	4
2.8	Máy hút âm	Cái	1
2.9	Tủ đựng mục lục	Cái	2
2.10	Tủ đựng hồ sơ	Cái	2
3	Thiết bị phòng học ngoại ngữ (định mức tối đa 2 phòng học ngoại ngữ/trường)		
3.1	Phòng Lab (trang bị cho 1 giáo viên, 40 học sinh)		
3.1.1	Cáp nối đồng bộ	Bộ	40
3.1.2	Máy xử lý dữ liệu tự động của giáo viên	Cái	1
3.1.3	Máy hiển thị thông tin học sinh	Cái	40
3.1.4	Nguồn cung cấp điện của hệ thống	Cái	1
3.1.5	Tai nghe đồng bộ cho giáo viên học sinh	Cái	41
*	Hệ thống các thiết bị ngoại vi		
3.1.6	Bộ chia tín hiệu	Bộ	1
3.1.7	Camera vật thể	Cái	1
3.1.8	Dây cáp tín hiệu	Bộ	1
3.1.9	Đài Cassette	Cái	1
3.1.10	Giá treo máy chiếu	Cái	1
3.1.11	Máy vi tính	Cái	1
3.1.12	Máy chiếu đa năng	Cái	1
3.1.13	Màn chiếu mô tơ điện điều khiển từ xa	Cái	1
3.1.14	Thiết bị âm thanh đa năng di động không dây	Cái	1
*	Cơ sở vật chất		
3.1.15	Bàn Lab giáo viên	Cái	1
3.1.16	Bàn Lab học sinh	Cái	20
3.1.17	Các thiết bị khác	Bộ	1
3.1.18	Ghế giáo viên	Cái	1
3.1.19	Ghế học sinh	Cái	40
3.1.20	Máy điều hòa	Cái	2
3.2	Phòng đa năng (trang bị cho 1 giáo viên, 40 học sinh)		
3.2.1	Bộ kết nối của giáo viên	Bộ	1
3.2.2	Bộ kết nối của học sinh	Bộ	20
3.2.3	Ổ chia	Bộ	2
3.2.4	Tai nghe đồng bộ cho giáo viên học sinh	Cái	41
*	Hệ thống các thiết bị ngoại vi		
3.2.5	Bộ chia tín hiệu	Bộ	1
3.2.6	Camera vật thể	Cái	1
3.2.7	Dây cáp tín hiệu	Bộ	1
3.2.8	Đài Cassette	Cái	1
3.2.9	Giá treo máy chiếu	Cái	1

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3.2.10	Máy chiếu đa năng	Cái	1
3.2.11	Máy vi tính giáo viên	Cái	1
3.2.12	Máy vi tính học sinh	Cái	40
3.2.13	Màn chiếu mô tơ điện điều khiển từ xa	Cái	1
3.2.14	Ôn áp	Cái	1
3.2.15	Switch TP Link 48 cổng kết nối mạng LAN	Cái	1
3.2.16	Thiết bị âm thanh đa năng di động không dây	Cái	1
*	Cơ sở vật chất		
3.2.17	Bàn Lab giáo viên	Cái	1
3.2.18	Bàn Lab học sinh	Cái	20
3.2.19	Ghế giáo viên	Cái	1
3.2.20	Ghế học sinh	Cái	40
3.2.21	Máy điều hòa	Cái	2
3.3	Phòng tương tác đa năng khác		
3.3.1	Bảng tương tác	Cái	1
3.3.2	Bộ thiết bị đánh giá kiểm tra trắc nghiệm không dây	Cái	1
3.3.3	Chân di động treo bảng và máy chiếu gần	Cái	1
3.3.4	Máy tính xách tay	Cái	1
3.3.5	Máy chiếu gần đa năng	Cái	1
3.3.6	Máy chiếu thu vật thể	Cái	1
3.3.7	Máy điều hòa	Cái	2
3.3.8	Phần mềm học ngoại ngữ	Bộ	1
3.3.9	Phần mềm quản lý giáo dục trực tuyến	Bộ	1
3.3.10	Thiết bị âm thanh đa năng di động không dây	Cái	1
V	Thiết bị phòng học bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học dành cho cấp THCS (định mức/trường)		
1	Môn Vật lý		
1.1	Thiết bị bàn, ghế, tủ phòng bộ môn Vật lý (định mức tối đa 1 phòng/trường)		
1.1.1	Bàn thí nghiệm giáo viên	Cái	1
1.1.2	Bàn thí nghiệm học sinh	Cái	12
1.1.3	Ghế giáo viên	Cái	1
1.1.4	Ghế học sinh	Cái	48
1.1.5	Máy điều hòa	Cái	2
1.1.6	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Cái	1
1.2	Thiết bị thí nghiệm (định mức tối đa 1 phòng/trường)		
1.2.1	Thiết bị dùng chung		
-	Bộ cảm biến dùng cho môn Vật Lý	Bộ	10
-	Bộ dây dẫn	Bộ	10
-	Bộ lực kế lò xo	Bộ	10
-	Cân điện tử 2200/1 g	Cái	10
-	Đồng hồ đa năng kỹ thuật số	Cái	10
-	Nguồn điện AC/DC, 2...12V/3A	Cái	10
1.2.2	Thiết bị biểu diễn		
-	Bộ cơ học biểu diễn trên bảng từ	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm tĩnh điện biểu diễn	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm biểu diễn với bơm hút chân không	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm quang hình biểu diễn sử dụng nguồn Laser	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm "Mạch điện cơ bản" trên bảng từ	Bộ	10
-	Đầu đo áp suất chất lỏng và áp kế chữ u	Cái	10
-	La bàn biểu diễn	Cái	10
-	Nhiệt học		

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Bộ thí nghiệm lực xuất hiện trong sự nở dài vì nhiệt của chất rắn	Bộ	10
	Ống dẫn lưu	Cái	10
	Thiết bị biểu diễn sự dẫn nhiệt khác nhau của các kim loại	Cái	10
	Thiết bị biểu diễn sự nở dài	Cái	10
	Thiết bị biểu diễn sự nở khối	Cái	10
-	Thiết bị biểu diễn tác dụng của từ trường lên dây dẫn có dòng điện	Cái	10
-	Thiết bị chứng minh sự tồn tại của áp suất trong lòng chất lỏng	Cái	10
-	Thí nghiệm về trộn các ánh sáng màu	Bộ	10
-	Mô hình biểu diễn trái đất, mặt trăng và mặt trời	Cái	10
1.2.3	Thiết bị thực hành		
-	Bộ thí nghiệm Vật lý lớp 9	Bộ	10
-	Bộ thí nghiệm Vật lý: Cơ học, Nhiệt học và Điện học Trung học cơ sở	Bộ	10
-	Va ly thí nghiệm "Âm học"	Bộ	10
-	Va ly thí nghiệm "Điện học"	Bộ	10
-	Va ly thí nghiệm "Nhiệt học"	Bộ	10
-	Va ly thí nghiệm "Tĩnh điện và từ học"	Bộ	10
2	Môn Hóa học		
2.1	Thiết bị bàn, ghế, tủ phòng bộ môn Hóa học (định mức tối đa 1 phòng/trường)		
2.1.1	Bàn thí nghiệm giáo viên	Cái	1
2.1.2	Bàn thí nghiệm học sinh	Cái	12
2.1.3	Ghế giáo viên	Cái	1
2.1.4	Ghế học sinh	Cái	48
2.1.5	Máy điều hòa	Cái	2
2.1.6	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Cái	1
2.2	Thiết bị thí nghiệm dùng chung (định mức tối đa 1 phòng/trường)		
2.2.1	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học mới nhất, kèm hình ảnh và thông tin chi tiết, đầy đủ các nguyên tố	Bộ	10
2.2.2	Bài thí nghiệm điện phân dung dịch muối ăn có màng ngăn	Bộ	10
2.2.3	Bộ điều chế khí đa năng	Bộ	10
2.2.4	Bộ giá thí nghiệm		
	Chân đế hình chữ nhật	Cái	10
	Thanh trụ có ren 500 mm	Cái	10
	Kẹp chữ S	Cái	10
	Kẹp vạn năng	Cái	10
2.2.5	Bộ thí nghiệm chung cất	Bộ	10
2.2.6	Bộ thiết bị điều chế khí từ chất lỏng và chất rắn	Bộ	10
2.2.7	Cân điện tử 200g 0.01g	Cái	10
2.2.8	Máy đo pH và phụ kiện	Cái	10
2.2.9	Mô hình phân tử		
	Bộ mô hình cấu trúc phân tử chất béo	Bộ	10
	Bộ mô hình lắp ráp phân tử hữu cơ	Bộ	10
2.2.10	Nguồn điện, 2...12V AC/DC, 5A	Cái	10
2.2.11	SEG hóa học 2, Không khí/ Sự cháy/ Sự oxi hóa/ Sự khử	Bộ	10
2.2.12	Tủ sấy	Cái	10
2.2.13	Valy dụng cụ thí nghiệm Hóa học	Bộ	10
2.2.14	Valy hóa học cơ sở sử dụng cảm biến điện tử	Bộ	10
3	Môn Sinh học		
3.1	Thiết bị bàn, ghế, tủ phòng bộ môn Sinh học (định mức tối đa 1 phòng/trường)		

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3.1.1	Bàn thí nghiệm giáo viên	Cái	1
3.1.2	Bàn thí nghiệm học sinh	Cái	12
3.1.3	Ghế giáo viên	Cái	1
3.1.4	Ghế học sinh	Cái	48
3.1.5	Máy điều hòa	Cái	2
3.1.6	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm	Cái	1
3.2	Thiết bị thí nghiệm dùng chung (định mức tối đa 1 phòng/trường)		
3.2.1	Bộ tiêu bản dùng cho khối THCS		
-	Bộ cơ sở dùng cho lớp 6, 7, 8 và lớp 9 (bao gồm 44 tiêu bản)	Bộ	10
-	Bộ nâng cao 1 dùng cho lớp 6, 7, 8 và lớp 9 (bao gồm 45 tiêu bản)	Bộ	10
-	Bộ nâng cao 2 dùng cho lớp 6, 7, 8 và lớp 9 (bao gồm 33 tiêu bản)	Bộ	10
3.2.2	Bộ thí nghiệm với cảm biến và ghép nối máy tính, sử dụng trong Sinh học	Bộ	10
3.2.3	Bộ thí nghiệm trồng cây trong dung dịch		
-	Valy này mầm của hạt	Bộ	10
-	Dung dịch dinh dưỡng	Bộ	10
3.2.4	Bộ thí nghiệm về sự thoát hơi nước ở thực vật	Bộ	10
3.2.5	Bộ phễu thu động vật đất	Bộ	10
3.2.6	Bộ đồ mổ		
-	Bộ đồ mổ 8 chi tiết	Bộ	10
-	Khay mổ và đinh ghim	Cái	10
3.2.7	Bộ pipet	Bộ	10
3.2.8	Bếp điện và nồi đun	Bộ	10
3.2.9	Bình cách nhiệt 1000 ml	Cái	10
3.2.10	Cân đo cơ thể	Cái	10
3.2.11	Cân điện tử 200g, 0.01g	Cái	10
3.2.12	Dụng cụ đo huyết áp		
-	Dụng cụ đo huyết áp cơ học	Bộ	10
-	Dụng cụ đo huyết áp điện tử	Bộ	10
3.2.13	Kính hiển vi		
-	Kính hiển vi kỹ thuật số với màn hình hiển thị LCD	Cái	10
-	Kính hiển vi soi nổi	Cái	10
3.2.14	Mô hình		
-	Mô hình Bộ xương người	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo của Da	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo của Động mạch và Tĩnh mạch	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo Hệ sinh dục nam	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo Hệ sinh dục nữ	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo Mắt	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo mô ở Lá	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo Não người	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo Tai người	Bộ	10
-	Mô hình cấu tạo Tim	Bộ	10
-	Mô hình Hệ cơ quan ở người	Bộ	10
-	Mô hình Hộp sọ người	Bộ	10
-	Mô hình sự phát triển của Bào thai ở người	Bộ	10
-	Mô hình Tế bào động vật điển hình	Bộ	10
-	Mô hình Tế bào thực vật điển hình	Bộ	10
3.2.15	Mô hình chức năng phổi người	Bộ	10
3.2.16	Máy đo pH cầm tay	Bộ	10



STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3.2.17	Nhiệt kế đo thân nhiệt	Cái	10
3.2.18	Tủ sấy	Cái	10
3.2.19	Valy thí nghiệm nhận biết một số chất trong nông sản	Bộ	10
3.2.20	Valy thí nghiệm sinh học	Bộ	10
3.2.21	Valy thí nghiệm sinh thái và môi trường	Bộ	10
VI	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Thể dục		
1	Đệm mút (dùng để nhảy cao)	Cái	3
2	Cột bóng chuyền	Bộ	2
3	Khung cầu môn bóng đá	Bộ	1
4	Cột bóng rổ	Bộ	1
5	Cột đa năng	Bộ	4
VII	Thiết bị cho từng lớp học áp dụng cho các trường Mầm non, Mẫu giáo		
1	Tivi hỗ trợ dạy và học (khi không trang bị màn chiếu)	Cái	1
2	Đầu đĩa DVD	Cái	1
3	Thiết bị làm quen ngoại ngữ, tin học		
-	Máy vi tính để bàn + loa vi tính	Bộ	1
4	Thiết bị dạy học tối thiểu (nhóm hoặc lớp)		
-	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2
5	Thiết bị nuôi và chăm sóc trẻ		
-	Đàn organ	Cái	1
-	Camera HD quan sát lớp học (định mức/lớp)	Bộ	1
VIII	Đồ chơi ngoài trời áp dụng cho các trường Mầm non, Mẫu giáo (định mức cho 1 trường)		
1	Dùng cho nhà trẻ		
1.1	Con vật nhún di động	Cái	3
1.2	Xích đu sàn lắc	Cái	3
1.3	Cầu trượt đơn	Cái	3
1.4	Cầu trượt đôi	Cái	3
1.5	Đu quay mâm không ray	Cái	3
1.6	Đu quay mâm trên ray	Cái	3
1.7	Ô tô đạp chân	Cái	3
1.8	Bập bênh đơn	Cái	3
1.9	Bập bênh đôi	Cái	3
1.10	Con vật nhúng lò xo	Cái	3
1.11	Con vật nhúng khớp nối	Cái	3
1.12	Xe đạp chân	Cái	3
2	Dùng cho mẫu giáo		
2.1	Bập bênh đơn	Cái	3
2.2	Con vật nhún di động	Cái	3
2.3	Xích đu sàn lắc	Cái	3
2.4	Xích đu treo	Cái	3
2.5	Cầu trượt đơn	Cái	3
2.6	Cầu trượt đôi	Cái	3
2.7	Đu quay mâm không ray	Cái	3
2.8	Đu quay mâm có ray	Cái	3
2.9	Cầu thăng bằng cố định	Cái	3
2.10	Cầu thăng bằng dao động	Cái	3
2.11	Thang leo	Cái	3
2.12	Nhà leo nằm ngang	Cái	3
2.13	Bộ vận động đa năng (Thang leo - Cầu trượt - Ống chui)	Cái	3
2.14	Nhà bóng	Cái	3

STT	Tên máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2.15	Ô tô đạp chân	Cái	3
2.16	Bập bênh để cong	Cái	3
2.17	Con vật nhúng lò xo	Cái	3
2.18	Con vật nhúng khớp nối	Cái	3
2.19	Cột ném bóng	Cái	3
2.20	Khung thành	Cái	3
2.21	Xe đạp chân	Cái	3
2.22	Xe lắc	Cái	3
IX	Thiết bị phòng Giáo dục Mỹ thuật - Âm nhạc của các trường Tiểu học, Trung học cơ sở (định mức 1 phòng/trường)		
1	Đàn organ	Cái	3

